

QUỸ ETF SSIAM VNX50

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 719 /2020/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2020  
Hanoi, 28 August 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH  
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT  
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: **27/08/2020**
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF  
Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Componet Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weight
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	2,800	5.0%
2	BVH	90	0.4%
3	CII	260	0.4%
4	CTD	50	0.3%
5	CTG	980	2.0%
6	DXG	610	0.5%
7	EIB	1,460	2.1%
8	FLC	790	0.2%
9	FPT	880	3.6%
10	GAS	130	0.8%
11	GEX	490	0.9%
12	GMD	350	0.7%
13	HBC	220	0.2%
14	HCM	170	0.3%
15	HDB	940	2.2%
16	HPG	2,680	5.4%
17	HSG	410	0.4%
18	KBC	460	0.5%



*me*

19	MBB	1,940	2.9%
20	MSN	570	2.6%
21	MWG	410	3.0%
22	NLG	190	0.4%
23	NVL	470	2.5%
24	PDR	200	0.5%
25	PLX	140	0.6%
26	PNJ	250	1.2%
27	POW	650	0.5%
28	PPC	110	0.2%
29	PVD	290	0.3%
30	PVS	300	0.3%
31	REE	210	0.6%
32	ROS	780	0.1%
33	SAB	90	1.4%
34	SBT	320	0.4%
35	SHB	1,700	1.9%
36	SSI	500	0.6%
37	STB	2,390	2.2%
38	TCB	3,210	5.7%
39	TCH	270	0.5%
40	TPB	680	1.3%
41	VCB	540	3.8%
42	VCG	100	0.3%
43	VCS	100	0.5%
44	VGC	200	0.4%
45	VHM	1,160	7.7%
46	VIC	1,250	9.5%
47	VJC	360	3.0%
48	VNM	1,020	10.0%
49	VPB	2,410	4.6%
50	VRE	1,270	2.9%
<b>II</b>	<b>Tiền/Cash (VND)</b>	<b>19,928,942</b>	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and an ETF Creation Unit in value:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ <i>Basket in value</i>	1,175,921,400 VND
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ <i>Value of an ETF Creation Unit</i>	1,195,850,342 VND
+ Giá trị chênh lệch/ <i>Cash Component</i>	19,928,942 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Options to Investors:*

• Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order* : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer Cash Component*

• Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order* : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive Cash Component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/

*In case, stock can be substituted by cash, state clearly the reason:*

STT No	Mã Chứng Khoán Securities	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	47,600	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
2	SSI	15,050	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch <i>Treasury stock not yet registered for trading</i>
3	VCB	83,500	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
4	ACB	21,200	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	FPT	48,400	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	GMD	23,450	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MBB	17,900	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MWG	87,300	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	PNJ	59,000	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	REE	36,450	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>



*Phoel*

11	TCB	21,100	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	TPB	22,300	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
13	VPB	22,900	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

**Các chỉ tiêu khác/Other criteria**

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 27/08/2020	Kỳ trước/Last Period 26/08/2020	Chênh lệch/ Difference
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	13,500,000	13,500,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	12,000	12,000	0
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
của quỹ ETF/ of the Fund	161,439,796,241	161,727,692,206	-287,895,965
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1,195,850,342	1,197,982,905	-2,132,563
của 1 CCQ/ per Share	11,958.50	11,979.82	-21.32
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,359.92	1,355.79	4.13

Đại diện tổ chức

Organization representative



**Trần Thùy Linh**  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC